

Số: 629/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Quy hoạch Hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, với các nội dung như sau:

**1. Quan điểm:**

a) Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng, mạng lưới, an toàn an ninh thông tin;

b) Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, phù hợp với sự phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh;

c) Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông Viettel Trà Vinh bền vững, chất lượng và hiệu quả; ứng dụng công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển, cung cấp các dịch vụ mới;

d) Phát triển hạ tầng viễn thông đảm bảo mỹ quan đô thị, thân thiện môi trường, đảm bảo cảnh quan kiến trúc các công trình lịch sử, văn hóa, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn, chất lượng;

đ) Quy hoạch phát triển cột treo cáp sử dụng chung hạ tầng cột của ngành điện lực, chỉ triển khai trồng cột trên các tuyến chưa có cột điện lực; quy hoạch sử dụng chung hạ tầng viễn thông phải có chính sách chia sẻ rõ ràng, có sự thống nhất,

cam kết giữa các doanh nghiệp tham gia và đảm bảo yếu tố phát triển mở rộng.

## **2. Mục tiêu:**

**2.1. Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng và phát triển mạng viễn thông Viettel Trà Vinh bền vững, chất lượng và hiệu quả; đồng thời, phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị; phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh Trà Vinh.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

a) Định hướng sự chuyển dịch mạnh mẽ: Từ di động sang di động băng rộng (chuyển dịch từ các máy di động thường sang smartphone có thể truy cập internet tốc độ cao (2G sang 3G), phổ cập smartphone); từ cố định băng rộng sang cố định siêu băng rộng (ADSL sang FTTx), phổ cập cố định băng rộng; chuyển từ viễn thông sang viễn thông kết hợp với công nghệ thông tin, phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng;

b) Về mạng thông tin di động: Không phát triển mới băng tần 2G, nhưng đảm bảo chất lượng mạng 2G hiện có; duy trì và nâng cao chất lượng mạng 3G đạt mức DC-HSDPA+ với tốc độ 42.2 Mbps; phát triển thêm trạm mới để nâng cao chất lượng mạng 4G/LTE đạt tốc độ 150 Mbps và 4G/LTE Advanced nâng tốc độ lên 1.000 Mbps;

c) Về hạ tầng truyền dẫn băng rộng:

- Cung cấp đa dịch vụ trên cùng 1 sợi cáp tới khách hàng: Truyền hình tương tự, truyền hình số, internet, truyền hình tương tác và các dịch vụ băng rộng khác;

- Tuyến cáp quang được thiết kế phủ 100% các hộ dân trên địa bàn có kế hoạch kinh doanh; mạng truy nhập quang được thiết kế đến từng hộ gia đình.

d) Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng với các ngành, doanh nghiệp viễn thông khác tại các khu vực như: Khu công nghiệp, khu vực cần bảo đảm an ninh,...; đồng thời, triển khai hạ tầng viễn thông riêng một số khu vực còn lại;

đ) Về tỷ lệ ngầm hóa mạng cáp: Đến năm 2020, triển khai 13,2km cáp quang ngầm, duy trì mạng cáp treo hiện hữu.

## **3. Nội dung quy hoạch:**

**3.1. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đến năm 2020:**

a) **Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:** Không phát triển mới các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng;

b) **Hạ tầng trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS):**

- Trong giai đoạn 2018 - 2020, quy hoạch phát triển 22 trạm BTS, tùy theo tốc độ đô thị hóa, sự phát triển của các cụm dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch,... cũng như sự phát triển chung của tỉnh Trà Vinh, số lượng trạm sẽ bổ sung phát triển để đảm bảo chất lượng, phục vụ nhu cầu của khách hàng, cụ thể như:

+ Phát triển trạm 3G theo tiêu chí vùng phủ 3G 512 Kbps, phủ sóng phục vụ 95% dân số; đồng thời, tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng mạng 2G, tăng cường phủ sóng tại các vùng sâu, vùng xa, xóa vùng lốm sóng. Đến năm 2020, trên toàn tỉnh có 427 trạm 3G;

+ Phát triển thêm trạm 4G LTE; các trạm 4G dùng băng tần 1800MHz sử dụng cho vùng phủ sóng và các trạm 4G dùng băng tần 2600MHz sử dụng cho lưu lượng và triển khai trên cùng hạ tầng với trạm 3G.

- Về hạ tầng dùng chung: Phát triển hạ tầng mạng lưới đảm bảo vùng phủ và chất lượng;

- Về hạ tầng dùng riêng: Quy hoạch 22 vị trí trạm BTS dùng riêng; quy hoạch quỹ các vị trí trạm thu phát sóng dùng riêng dành cho các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, nhằm tạo điều kiện chủ động cho các doanh nghiệp trong kinh doanh và tạo thêm quỹ các vị trí trạm thu phát sóng.

### **c) Hạ tầng công bề, cột treo cáp:**

- Quy hoạch tuyến cáp ngầm: Thực hiện ngầm hóa mạng truyền dẫn theo các dự án cải tạo, nâng cấp và phát triển mới các khu đô thị, khu dân cư, tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và khu vực đô thị của tỉnh Trà Vinh. Đến năm 2020, triển khai xây dựng 02 tuyến công bề mạng cáp ngầm, với tổng chiều dài 13,2km;

- Hạ tầng cột treo cáp: Không phát triển mới tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại khu vực đô thị; sử dụng tuyến cột hiện hữu của doanh nghiệp hoặc sử dụng chung hệ thống cột của ngành điện;

- Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông:

+ Năm 2018, triển khai chỉnh trang, bó gọn 6,1km hạ tầng mạng cáp viễn thông tại khu vực thành phố Trà Vinh;

+ Giai đoạn 2019 - 2020, hoàn thiện chỉnh trang, bó gọn 25,9km hệ thống cáp viễn thông tại khu vực thành phố Trà Vinh và trung tâm các huyện, thị xã trên toàn tỉnh.

- Quy hoạch mạng cáp treo: Triển khai xây dựng 06 tuyến cáp treo mới trên địa bàn tỉnh, với tổng chiều dài 12km.

## **3.2. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đến năm 2025:**

**a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:** Tiếp tục duy trì các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện hữu và phát triển các kênh đại lý, bán hàng đến khu vực vùng sâu, vùng xa; đồng thời, phát triển mới các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **b) Quy hoạch cột ăng ten:**

- Phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng ngay trang đến khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố như: Cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, ngay trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh

quan xung quanh;

- Phát triển hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng sử dụng công nghệ đa tầng;
- Ứng dụng và phát triển các giải pháp kiến trúc mạng truy nhập vô tuyến mới như: LightRadio, cloud RAN,... để giảm thiểu số lượng các nhà trạm thông tin di động, giảm chi phí về năng lượng, chi phí thuê địa điểm, chi phí bảo vệ;
- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt khoảng 20%.

**c) Cải tạo, sắp xếp hệ thống ăng ten thu phát sóng thông tin di động:**

- Cải tạo 08 cột ăng ten trạm thu phát sóng loại A2a thành cột ăng ten loại A1a, A1b;
- Thực hiện điều chỉnh, di dời các cột ăng ten trạm thu phát sóng không đảm bảo khoảng cách, mỹ quan đô thị, không đảm bảo an toàn,...

**d) Quy hoạch mạng cáp quang:**

- Tiếp tục triển khai mạng truyền dẫn tốc độ cao để đáp ứng dung lượng băng thông truyền dẫn phục vụ nhu cầu khách hàng;
- Thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông khu vực dân cư mới, tuyến đường xây dựng mới,... Ưu tiên phát triển công trình kỹ thuật loại N2;
- Phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung với các ngành như: Giao thông, điện, cấp thoát nước, doanh nghiệp viễn thông khác,...

**4. Nhu cầu nguồn vốn đầu tư:**

**a) Xây dựng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động:**

- Quy mô: 22 cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động;
- Hạng mục đầu tư: Xây dựng mới nhà trạm, cột ăng ten, phụ trợ;
- Mức đầu tư: 400 triệu đồng/cột;
- Tổng nguồn vốn: 8.800 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của doanh nghiệp;
- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

**b) Cải tạo hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động:**

- Quy mô: Chuyển đổi 08 cột ăng ten A2a sang cột ăng ten loại A1a, A1b;
- Hạng mục đầu tư: Thực hiện cải tạo, sắp xếp 08 cột ăng ten A2a;
- Mức đầu tư: 300 triệu đồng/cột;
- Tổng nguồn vốn: 2.400 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của doanh nghiệp;
- Thời gian thực hiện: 2020 - 2025.

**c) Xây dựng mới tuyến cáp treo:**

- Quy mô: 12km;
- Hạng mục đầu tư: Xây dựng mới 06 tuyến cáp treo;
- Mức đầu tư: 6 triệu đồng/1km
- Tổng nguồn vốn: 72 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của doanh nghiệp;
- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

**d) Hạ tầng công bề cáp:**

- Quy mô: 13,2km;
- Hạng mục đầu tư: Xây dựng mới tuyến cáp ngầm;
- Mức đầu tư: 350 triệu đồng/km;
- Tổng nguồn vốn: 4.620 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của doanh nghiệp;
- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

**đ) Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng mạng cáp viễn thông:**

- Quy mô: 32km;
- Hạng mục đầu tư: Cải tạo, chỉnh trang tại khu vực thành phố, trung tâm các huyện, thị xã,... đảm bảo mỹ quan đô thị;
- Mức đầu tư: 50 triệu đồng/km;
- Tổng nguồn vốn: 1.600 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của doanh nghiệp;
- Thời gian thực hiện: 2018 - 2020.

**5. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch:**

**a) Giải pháp tuyên truyền:** Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, các quy định, chính sách phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp đến mọi người dân nhằm thực hiện hiệu quả quy hoạch, đặc biệt, đối với những tuyến đường cần giải phóng mặt bằng, sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng viễn thông,... tránh khiếu kiện, khiếu nại của người dân;

**b) Giải pháp phát triển hạ tầng:**

- Tăng cường sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động đối với các công trình mới xây dựng phù hợp với quy hoạch;

- Đối với hạ tầng công, bề cáp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới phải phù hợp với từng vị trí, tuyến đường, khu vực đảm bảo phát triển hạ tầng.

**c) Giải pháp thực hiện quy hoạch đồng bộ:** Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin từ các ngành, địa phương về tiến độ xây dựng hạ tầng của tỉnh để triển khai thực hiện đồng bộ với quá trình xây dựng các công trình liên quan như:

Giao thông, đô thị, công trình ngầm, cột treo cáp,...;

#### **d) Giải pháp về khoa học công nghệ:**

- Phát triển công nghệ viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng; công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang, cáp ngầm,... Ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường, trạm ngụy trang, trạm dùng chung cơ sở hạ tầng;

- Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng truyền dẫn như: Kỹ thuật khoan ngầm, khoan định hướng,...;

- Ứng dụng và phát triển các giải pháp kiến trúc mạng truy nhập vô tuyến mới như: LightRadio, cloud RAN,...;

- Sử dụng các trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại, các công nghệ mới (RFID,...) để tăng cường đo kiểm, giám sát, quản lý từ xa đối với hệ thống thiết bị và hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông: Quản lý dựa trên bản đồ số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch của Viettel Trà Vinh phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch Hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tránh trùng lắp, chồng chéo giữa các doanh nghiệp; định kỳ hàng năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

b) Chủ động, phối hợp với Viettel Trà Vinh và các cơ quan có liên quan rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

#### **2. Sở Xây dựng:**

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn Viettel Trà Vinh về xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch xây dựng, kiến trúc đô thị của tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện cấp phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo đúng quy định hiện hành.

#### **3. Sở Giao thông vận tải:**

a) Chủ động, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng các chương trình, đề án, quy hoạch ngầm hóa mạng ngoại vi, quy định xây dựng hạ tầng mạng ngoại vi phù hợp với phát triển hạ tầng giao thông của từng giai đoạn;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Viettel Trà Vinh tích hợp nội

dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh vào quy hoạch phát triển giao thông vận tải (thỏa thuận hướng, vị trí tuyến cáp, cống, bể ngầm,...).

**4. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động.

**5. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố** căn cứ chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành, địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng mạng viễn thông thụ động của Viettel Trà Vinh trên địa bàn; thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình theo quy định và tạo điều kiện, hỗ trợ Viettel Trà Vinh triển khai thực hiện quy hoạch theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

#### **6. Viettel Trà Vinh:**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức công bố quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động đã được phê duyệt;

b) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; đồng thời, tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

c) Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch;

d) Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch khi được phê duyệt, nhằm tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo; định kỳ, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch nêu trên gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Viettel Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Viễn thông;
- Như Điều 4;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng NC;
- Lưu: VT, CNXD. 26

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



# PHỤ LỤC 1

Quy hoạch trạm BTS Viettel Trà Vinh giai đoạn năm 2018 - 2020

theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT (1)	Mã trạm	Địa điểm lắp đặt			Cột ăng ten			Sử dụng		Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng (5)	Thời điểm chuyển từ cột ăng ten A2a sang cột ăng ten A1 (6)	
		Địa chỉ (2.1)	Kinh độ (2.2)	Vĩ độ (2.3)	Loại cột (3.1)	Quy mô			Hiện trạng (4.1)			Khả năng sử dụng chung (4.2)
						Chiều cao cột	Chiều cao công trình	Diện tích đất sử dụng				
<b>I</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>											
1	TVH0565	Áp Bến Cỏ, phường 8, TPTV	106,30630	9,92454	A2b	30		300	KDC	K	06/2020	
2	TVH0574	TT Hội nghị tỉnh Trà Vinh, đường Võ Văn Kiệt, Khóm 9, phường 7, TPTV	106,3264	9,92096	A1a	3	22	10	KDC	K	06/2018	
3	TVH0579	Phường 1, TPTV	106,339424	9,940922	A1a	3	12	10	KDC	K	11/2018	
4	TVH0580	Phường 5, TPTV	106,3455	9,93443	A1a	3	12	10	KDC	K	11/2018	
<b>II</b>	<b>Huyện Càng Long</b>											
1	TVH0570	Xã Tân An, huyện Càng Long	106,1623	9,91029	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
2	TVH0591	Xã Đại Phúc, huyện Càng Long	106,29383	9,97033	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
<b>III</b>	<b>Huyện Cầu Ngang</b>											
1	TVH0564	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	106,4115	9,73505	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	



2	TVH0589	Xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang	106,4625	9,81643	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
<b>IV Huyện Cầu Kè</b>												
1	TVH0562	Ấp Ngọc Hồ, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	106,0333	9,90399	A2b	42		600	KDC	K	06/2019	
2	TVH0568	Ấp Trò Điều, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè	106,0587	9,81031	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
3	TVH0596	Xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè	106,01665	9,86514	A2b	42		600	KDC	K	06/2018	
<b>V Huyện Châu Thành</b>												
1	TVH0561	Ấp Dấu Giồng A, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành	106,3285	9,80455	A2b	42		600	KDC	K	06/2018	
2	TVH0590	Xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành	106,26539	9,92750	A2b	42		600	KDC	K	06/2018	
3	TVH0593	Xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành	106,32066	9,88037	A2b	42		600	KDC	K	06/2018	
<b>VI Huyện Tiểu Cần</b>												
1	TVH0566	Xã Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần	106,2077	9,86585	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
2	TVH0567	Xã Long Thới, huyện Tiểu cần	106,1486	9,78098	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
3	TVH0594	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	106,17221	9,82838	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
<b>VII Huyện Trà Cú</b>												
1	TVH0563	Xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú	106,3837	9,72319	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
2	TVH0587	Xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú	106,27757	9,68510	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
3	TVH0588	Xã Long Hiệp, huyện Trà Cú	106,33664	9,69204	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
<b>VIII Thị xã Duyên Hải</b>												
1	TVH0586	Xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải	106,48804	9,67983	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	
2	TVH0595	Phường 2, thị xã Duyên Hải	106,53488	9,6815	A2b	42		600	KDC	K	11/2018	



## PHỤ LỤC 2

Quy hoạch tuyến cáp ngầm mới Viettel tại Trà Vinh giai đoạn năm 2018 - 2020

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng	Thời điểm hạ ngầm cáp viễn thông
		1. Cột treo cáp viễn thông riêng biệt	2. Cột treo cáp sử dụng chung với các ngành	3. Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông riêng biệt	4. Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung với các ngành		
<b>Các tuyến triển khai ngầm hóa mới theo quy hoạch của tỉnh</b>							
<b>I</b>							
<b>Quận/huyện: Thành phố Trà Vinh</b>							
1,1	Quốc lộ 53 (Từ Vòng xoay Tượng đài TPTV đến Ngã 3 Bình Phú, huyện Càng Long)			Cáp quang cống bê 48 sợi-12km		2020	2020
1,2	Quốc lộ 53 (Từ Vòng xoay Tượng đài TPTV đến Trạm biến áp 220KV Áp Ba Se A, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành			Cáp quang cống bê 48 sợi-1,2km		2020	2020
<b>Tổng cộng</b>				<b>13,2 km</b>			

76



### PHỤ LỤC 3

**Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông tỉnh Trà Vinh năm 2018**

STT	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Ghi chú
<b>I. Thành phố Trà Vinh</b>					
1	Nguyễn Đăng	Ngã tư Điện Biên Phủ	Tòa nhà Viettel	1,2	
2	Dương Quang Đông	Cầu Long Bình 2	Cầu Long Bình 1	1,5	
3	Nguyễn Thiện Thành	Cầu Long Bình 2	Ngã 4 Đường D5	0,5	
4	Phạm Ngũ Lão	Ngã 4 Đường 19/5	Ngã 3 Đuôi cá	1,6	
5	Phan Đình Phùng	Ngã 3 Nguyễn Đăng	Ngã 3 Lê Thánh Tôn	1,3	
<b>Tổng</b>				<b>6,1</b>	

765

**PHỤ LỤC 4****Cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông tỉnh Trà Vinh giai đoạn năm 2019 - 2020**

STT	Tuyến đường/ Khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>				
1	Điện Biên Phủ	Ngã 4 Trần Phú	Vòng xoay Nguyễn Đăng	1,1	
2	Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 4 Nguyễn Đăng	Ngã 3 Đường 19/5	1,4	
3	Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 4 Nguyễn Đăng	Vòng xoay Trương đài	2,3	
4	Lê Lợi	Bưu điện tỉnh	Ngã 3 Đuôi cá	1,6	
5	Hùng Vương	Bưu điện tỉnh	Cầu Long Bình 1	0,4	
<b>II</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>				
6	Đường 30/4	UBND huyện Châu Thành	Công an huyện Châu Thành	1,1	
<b>III</b>	<b>Huyện Tiểu Cần</b>				
7	Quốc lộ 60	Cầu Tiểu Cần	Ngã 4 đi Cầu Kè	1,4	
8	Quốc lộ 60	Vòng xoay Tiểu Cần	Công an Tiểu Cần	1,2	
9	Quốc lộ 54	Cầu Tiểu Cần	Chùa Bà Cứu Thiến	0,4	
<b>IV</b>	<b>Huyện Cầu Kè</b>				
10	Đường 30/4	Vòng xoay thị trấn Cầu Kè	Ngã 3 QL 54	1,3	
11	Hương lộ 50	Bệnh viện Cầu Kè	Chùa Tà Thiệu	1	
<b>V</b>	<b>Huyện Càng Long</b>				
12	Quốc lộ 53	Ngã 3 Cầu Mỹ Huế	Cầu Mây Túc	3,3	
<b>VI</b>	<b>Huyện Trà Cú</b>				
13	Quốc lộ 53	Công chào Trà Cú	Huyện đội Trà Cú	3	
<b>VII</b>	<b>Huyện Cầu Ngang</b>				
14	Quốc lộ 53	Huyện ủy Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	1,8	
<b>VIII</b>	<b>Thị xã Duyên Hải</b>				
15	Chợ Long Hữu	Ngân hàng Nông nghiệp	Công Long Hữu	1	
16	Đường 19/5	Vòng xoay Duyên Hải	Ngã 4 Bến xe	1,2	
17	Đường 2/9	Ngã 3 Quốc lộ 53	Chợ Duyên Hải	0,8	
18	Quốc lộ 53	Vòng xoay Duyên Hải	Cầu Long Toàn	1,6	
<b>Toàn tỉnh</b>				<b>25,9</b>	



## PHỤ LỤC 5

### Quy hoạch lắp đặt cáp treo Viettel Trà Vinh giai đoạn năm 2018 - 2020

STT	Khu vực hoặc tuyến đường, phố	Quy mô tuyến cáp được lắp đặt vào công trình				Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng	Thời điểm hạ ngầm cáp viễn thông
(1)	(2)	(3)				(4)	(5)
		1. Cột treo cáp viễn thông riêng biệt	2. Cột treo cáp sử dụng chung với các ngành	3. Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông riêng biệt	4. Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung với các ngành		
<b>Các tuyến cáp treo cần triển khai mới giai đoạn 2017 - 2020</b>							
<i>Quận/huyện: Thành phố Trà Vinh</i>							
1.1	Quốc lộ 53 (từ Bánh Canh Bến Cỏ đến Ngã 3 QL53 và đường Vành Dại)	Cáp quang 24 sợi-1km				2018-2020	
1.2	Tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đến Nhà hàng Cường Thịnh)	Cáp quang 24 sợi-1,2km				2018-2020	
<i>Quận/huyện: Càng Long</i>							
2.1	Đường tỉnh 911(từ Trường cấp 3 Tân An đến Cầu Tân An)	Cáp quang 24 sợi-1 km				2018-2020	
<i>Quận/huyện: Cầu Ngang</i>							
3.1	Xã Long Sơn (đoạn từ Hương lộ 21 đến Hương lộ 22)	Cáp quang 24 sợi-5km				2018-2020	
3.2	Xã Mỹ Hòa (đoạn từ Ngã 3 Quốc lộ 53 đi vào Hương lộ 5)	Cáp quang 24 sợi-1,5km				2018-2020	
<i>Quận/huyện: Cầu Kè</i>							
4.1	Xã Tam Ngãi (đoạn từ Ngã 3 Tam Ngãi gần chùa Ông ấp Bưng Lớn đi dọc Hương lộ đến gần khu vực Chợ Bà My)	Cáp quang 24 sợi-2,3km				2018-2020	
<b>Tổng cộng</b>		<b>12 km</b>					

**PHỤ LỤC 6****Danh mục cột ăng ten cải tạo, sắp xếp đến năm 2025**

STT (1)	Mã trạm	Địa điểm lắp đặt (2)			Cột ăng ten (3)			Sử dụng chung cột ăng ten (4)		Thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng (5)	Thời điểm chuyển từ cột ăng ten A2a sang cột ăng ten A1 (6)	
		Địa chỉ (2.1)	Kinh độ (2.2)	Vĩ độ (2.3)	Loại cột (3.1)	Quy mô (3.2)			Hiện trạng (4.1)			Khả năng sử dụng chung (4.2)
						Chiều cao cột	Chiều cao công trình	Diện tích dất sử dụng				
1	TVH0005	24 Hùng Vương, phường 4, TPTV	106,342887	9,93729872	A2a	15	15	140	KDC	K	21/02/2005	01/01/2023
2	TVH0011	Ngã 4 Trần Phú, Phan Đình phùng, phường 2, TPTV	106,340158	9,93284151	A2a	18	9,5	170	KDC	K	04/07/2009	01/01/2023
3	TVH0110	Khóm 6, phường 8, TPTV	106,312625	9,91298415	A2a	15	11,2	140	KDC	K	16/03/2008	01/01/2023
4	TVH0309	Phường 4, TPTV	106,34372	9,94112	A2a	18	9,5	170	KDC	K	30/10/2014	01/01/2024
5	TVH0369	Phường 3, TPTV	106,342735	9,932057	A2a	18	10,5	170	KDC	K	25/12/2014	01/01/2024
6	TVH0370	Phường 6, TPTV	106,34347	9,920393	A2a	18	10	170	KDC	K	25/12/2014	01/01/2024
7	TVH0408	Phường 2, TPTV	106,33861	9,93529	A2a	18	9	170	KDC	K	25/12/2014	01/01/2025
8	TVH0422	Phạm Hồng Thái, Phường 3, TPTV	106,34111	9,934907	A2a	18	12	170	KDC	K	22/01/2015	01/01/2025

10